

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B10LV**

Năm học: **22-23**

Mã MH/MĐ: **MH01185**

Học kỳ: **02**

Tên MH/MĐ: **Pháp luật**

Số TC: **1**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011205	Đặng Văn Bé	Ba	30/04/1989			8.5	8.8				9.8		9.4
2	2253801011206	Lê Bình	Chiến	10/04/1990			8.5	8.0				10.0		9.3
3	2253801011207	Trần Ngọc	Diễn	17/01/1984			9	8.8				9.3		9.1
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng	Giang	12/12/1993			9	9.6				9.5		9.5
5	2253801011209	Trần Nhật	Hào	17/10/1999			6.5	8.0				10.0		9.0
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	12/03/1987			9	9.2				9.8		9.5
7	2253801011211	Trần Công	Hậu	19/01/1991			8.5	8.8				10.0		9.5
8	2253801011212	Nguyễn Văn	Hết	18/04/1979			6.5	8.8				9.8		9.1
9	2253801011213	Kha Văn	Hòa	08/04/1971			6	8.4				9.8		8.9
10	2253801011214	Mai Thanh	Hoàng	01/01/1982			8.5	9.2				9.3		9.2
11	2253801011215	Nguyễn Thị	Huệ	20/11/1992			9.5	8.0				10.0		9.4
12	2253801011217	Huỳnh Văn	Khải	02/08/1992			9.5	9.2				9.0		9.1
13	2253801011218	Trần Thị	Liên	23/04/1992			8	9.2				10.0		9.5
14	2253801011219	Phan Thị	Liễu	10/01/1984			8.5	9.6				9.8		9.6
15	2253801011220	Nguyễn Huy	Long	02/03/1988			9	8.8				9.5		9.2
16	2253801011221	Trần Văn	Ngà	30/04/1989			8	8.4				8.0		8.1
17	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	28/12/1993			9	9.6				10.0		9.8
18	2253801011225	Lê Văn	Quý	21/09/1974			7.5	8.4				10.0		9.2
19	2253801011226	Trần Hữu	Sang	19/01/1989			8	8.8				9.8		9.3

Châu Đốc, ngày 13 tháng 9 năm 2023

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Phạm Thị Lan Nhi